TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Kim
Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Công – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/ QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh nam 1997 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Lương Thị Nhật trình bày: Chị N kết hôn với anh Dương Văn Q ngày 30/12/2014, khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không có sự hòa hợp tính tình và không cùng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị Nhật xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh Q.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2015 nay đang ở với chị N, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị N nhận nuôi con của vợ chồng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn Q trình bày: Anh Q kết hôn với chị N hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian sống hạnh phúc và có 01 con chung. Sau này xảy ra mâu thuẫn là do anh Q đi làm còn chị N ở nhà trông con hay càu nhàu, phàn nàn khiến cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị N bỏ ra ngoài ở, từ đó vợ chồng sống nhạt nhẽo. Anh và chị N sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh Q nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2015 nay đang ở với chị N, đời sống được đảm bảo, sau khi ly hôn anh Q nhất trí để chị N tiếp tục nuôi con.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Q và nhận nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Lương Thị N được ly hôn anh Dương Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Lương Thị N nuôi con chung của vợ chồng là Dương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2015.

Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lương Thị N và anh Dương Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại UBND xã T, huyện V được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày trong quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không có sự hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xin ly hôn anh Q nhất trí. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q để tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nay chị Nhật xin ly hôn anh Q nhất trí, HĐXX xét thấy giữa chị N và anh Q hai bên sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai và đều không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Dương Văn Q là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2015 nay đang ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q nhất trí để chị N nuôi con chung sau khi ly hôn. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung sau khi ly hôn giữa chị N và anh Q là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần giao con chung của vợ chồng cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Do chị N không yêu cầu nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nhật. Anh Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị N và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;
Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Dương Văn Q.

- Con chung: Giao cho chị Lương Thị N được nuôi con chung của vợ chồng là Dương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2015. Anh Dương Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Lương Thị N.

Anh Dương Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

- Án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05505 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị Lương Thị N đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp